

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ ĐỨC – TP HÀ NỘI**

Bản án số: 137/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 23-6-2020.

V/v: Tranh chấp ly hôn.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ ĐỨC - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Bùi Thị Hồng.**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Trần Xuân Tộ.**

Ông Nguyễn Văn Sơn.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Nguyễn Hữu Vinh** - Thư ký TAND huyện Mỹ Đức.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức tham gia phiên tòa:* Bà **Lê Thị Lan** - Kiểm sát viên.

Ngày 23/6/2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỹ Đức – TP Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 104/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2020 về: Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2020/QĐXX-ST ngày 08 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị M, sinh năm 1992.

Nơi cư trú: Thôn Viêm Kh, xã Hợp Ti, huyện Mỹ Đ, TP Hà N.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Hi, sinh năm 1987.

Nơi cư trú: Thôn Viêm Kh, xã Hợp T, huyện Mỹ Đ, TP Hà N.

Hiện đang chấp hành hình phạt tù tại: Đội 48, K1, trại giam số 6, Bộ công an.

(Đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Trần Thị M Trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn Hi tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hợp Tiến ngày 21/01/2010. Sau khi cưới chị M về nhà anh Hi làm dâu, vợ chồng anh chị đều làm nghề tự do. Cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân do chị và anh Hi có quá nhiều điểm bất đồng trong lối sống, sinh hoạt, phát triển kinh tế gia đình và nuôi dạy con. Bản thân anh Hi không chịu khó làm ăn, không có trách nhiệm gì với

gia đình, thường xuyên chơi bời, tụ tập bạn bè xấu sử dụng ma túy. Chị M và gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng không đạt kết quả. Tháng 8/2018 anh Hi vi phạm pháp luật và phải đi chấp hành hình 08 năm 06 tháng tù tại Đội 48, phân trại 1, trại giam số 6, Bộ Công an. Từ đó đến nay chị và anh Hi sống ly thân. Nay chị M thấy tình cảm vợ chồng không còn nên làm đơn xin ly hôn, chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị.

Về con chung: Anh chị có hai con chung, cháu Nguyễn Gia L sinh ngày 25/6/2010, cháu Nguyễn Tiến Dg sinh ngày 15/02/2013. Từ khi anh chị sống ly thân cháu các cháu ở với chị. Vợ chồng ly hôn, chị M xin nuôi cả hai con và không yêu cầu anh Hi phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ, chồng không có tài sản chung và không vay nợ ai.

Anh Nguyễn Văn Hi trình bày và xác nhận: Anh kết hôn với chị M là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hợp Tiến. Anh thừa nhận cuộc sống chung vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì lớn, đến cuối năm 2017 anh đi làm xa nhà, chị M có quen với người đàn ông khác và thường xuyên lén lút liên lạc nên vợ chồng có xảy ra cãi vã. Sau đó nghĩ cho hai con nên anh đã bỏ qua chuyện đó. Đến đầu năm 2018 chị M học tiếng và đi xuất khẩu lao động tại Nhật, tháng 9/2019 chị M về nước. Nay chị M không còn tình cảm gì với anh xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn để giải thoát cho chị M. Hiện anh đang chấp hành hình phạt tù tại trại giam số 6, anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Về con chung: Trường hợp vợ chồng anh ly hôn, anh đề nghị ủy quyền trực tiếp cho ông nội, anh trai, em trai của anh nuôi dưỡng cháu Linh và cháu Dũng. Anh không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh Hi thừa nhận sau khi kết hôn vợ chồng anh sống cùng bố mẹ nên không có tài sản chung, không có công nợ gì.

Tại phiên tòa: Chị M, anh Hi vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, anh chị không xuất trình chứng cứ, tài liệu gì khác và vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức có ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định về tố tụng dân sự như tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, tạo điều kiện cho họ được trình bày quan điểm, tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật. Cụ thể:

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị Trần Thị M và giao hai con chung cho chị M tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.
- Tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị M đã làm đơn khởi kiện theo mẫu và nộp tạm ứng án phí đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa chị M, anh Hi vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo thủ tục chung là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị M và anh Hi trên cơ sở tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên cuộc sống chung vợ chồng anh chị không hạnh phúc, nguyên nhân do vợ, chồng có nhiều điểm bất đồng trong quan điểm sống. Chị M xin ly hôn, anh Hi xác nhận tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý ly hôn để giải thoát cho chị M. Điều này chứng tỏ hôn nhân giữa chị M và anh Hi đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị M có đơn xin ly hôn với anh Hi là hoàn toàn tự nguyện và có căn cứ phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh Hi, chị M có hai con chung, cháu Nguyễn Gia L sinh ngày 25/6/2010, cháu Nguyễn Tiến Dg sinh ngày 15/02/2013. Vợ chồng ly hôn, chị M xin nuôi cả 02 con chung, không yêu cầu anh Hi trợ cấp nuôi con chung, anh Hi cũng xin nuôi cả 02 con chung nhưng đang cải tạo tại trại giam nên xin ủy quyền cho bố, anh trai và em trai của anh Hi nuôi dưỡng cháu Linh và cháu Dũng. Chị M, anh Hi đều không yêu cầu bên kia phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét yêu cầu nuôi con chung của chị M và anh Hi đều chính đáng. Tuy nhiên, các cháu Linh, Dũng còn quá nhỏ, các cháu rất cần sự quan tâm, chăm sóc trực tiếp của mẹ. Bản thân anh Hi hiện đang chấp hành hình phạt tù nên không có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con. Đối với yêu cầu của anh Hi ủy quyền cho bố, anh và em trai trong việc nuôi dưỡng các con chung không được Tòa án chấp nhận trong vụ án này vì theo quy định của pháp luật thì

con chung phải được bố hoặc mẹ trực tiếp chăm sóc, trường hợp ủy quyền nuôi con chung cho người khác nuôi dưỡng phải được sự đồng ý của cả bố và mẹ. Quá trình giải quyết vụ án chị M tha thiết xin được nuôi con chung, không đồng ý ủy quyền cho người khác nuôi dưỡng, bản thân cháu Linh, cháu Dũng đều xin được ở với mẹ vì không muốn xáo trộn trong sinh hoạt và học tập. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu xin nuôi con của chị M, giao cháu Linh, cháu Dũng cho chị M tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu anh Hi trợ cấp nuôi con chung cho chị M. Anh Hi có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn khi chấp hành xong hình phạt và có đủ điều kiện nuôi con chung và Tòa án xem xét yêu cầu của anh theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung: Anh Hi, chị M đều thừa nhận vợ chồng không có tài sản chung và không vay nợ ai, không đề nghị Tòa xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56; 81; 82; 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

- Xử cho Chị Trần Thị M được ly hôn anh Nguyễn Văn Hi.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Gia Linh sinh ngày 25/6/2010, cháu Nguyễn Tiến Dũng sinh ngày 15/02/2013 cho chị M tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, không yêu cầu anh Hi phải trợ cấp nuôi con chung cho chị M cho đến khi các con chung trưởng thành hoặc cho đến khi các bên có thay đổi mới về người trực tiếp nuôi con và trợ cấp nuôi con chung.

- Anh Hi có quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

Về tài sản chung, công nợ chung vợ chồng: Hai bên đều thừa nhận không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về án phí: Chị Trần Thị M phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 02758 ngày 13/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Đức.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKS ND huyện Mỹ Đức;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Đức;
- UBND xã Hợp Tiến;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ VA.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Hồng

